



DANH SÁCH NHÂN VIÊN

(Đính kèm Công văn số ASSIST001-2016 ngày tháng năm 2016)

STT	Họ và Tên	Quốc Tịch	Chức vụ	Ngày sinh	Số CMND/ Passport	Số/ Loại xe
1	Arumugaraj Davitdurai Pandian	Ấn Độ	Tổng Giám Đốc	02/07/1980	Z3227986	Không có
2	Đặng Ngọc Trang Anh	Việt Nam	Chuyên viên nhân sự - Chánh văn phòng	04/11/1989	271882084	59X1-453.66 Nozza. Xanh đen
3	Lại Anh Tú	Việt Nam	Kế toán trưởng	25/03/1978	300862712	52S5-0081 Future Neo. Đỏ
4	Lê Thị Kim Loan	Việt Nam	Nhân viên hành chính văn phòng	08/03/1990	291029243	51X5-1133 Wave. Xanh
5	Võ Phan Kim Ngân	Việt Nam	Chuyên viên kiểm tra chất lượng	01/11/1985	023862765	59G1-32476 Attila. Nâu
6	Hoàng Phương Thảo	Việt Nam	Quản lý dự án	08/09/1985	385322051	94H1 - 07.009 Nozza. Nâu
7	Phạm Thị Kim Tuyền	Việt Nam	Quản lý dự án	11/08/1993	145588821	89B1 - 136.93 Liberty. Trắng
8	Bùi Trần Như Phương	Việt Nam	Quản lý dự án	06/06/1988	024294326	52P5 - 0946 Wave. Xanh đậm
9	Nguyễn Phương Quỳnh Trâm	Việt Nam	Chuyên viên đối ngoại	05/12/1992	024779712	59 - L1 00015 Hayate. Nâu vàng
10	Trần Bảo Nghi	Việt Nam	Trợ lý Tổng Giám Đốc kiêm Điều phối dự án	04/05/1993	024763118	59Y1 - 262.72 Air Blade Trắng - xám
11	Trần Thị Duy Linh	Việt Nam	Chuyên viên đối ngoại	17/03/1989	290905530	185.73 Nozza. Xanh đen
12	Nguyễn Ngọc Thanh Trâm	Việt Nam	Nhân viên Marketing	30/06/1993	025117573	47-M1 085.76 Vision. Trắng
13	Andrea Bisbjerg	Mỹ	Thực tập sinh	20/04/1996	539573060	Không có
14	Dương Chi Lâm	Việt Nam	Thực tập sinh	08/07/1994	301575098	62S1-070.17 Wave RSX. Vàng
15	Phan Xuân Phúc	Việt Nam	Thực tập sinh	28/04/1995		59-X2 54733 Vision. Trắng
16	Trần Khánh Linh	Việt Nam	Thực tập sinh	02/09/1994	273494808	72C1 -28038 Wave RSX. Đỏ đen
17	Phạm Thái Bảo	Việt Nam	Thực tập sinh	20/09/1995	025456481	54-S6 1668 Wave S. Xám
18	Huỳnh Thị Lê	Việt Nam	Vệ sinh văn phòng	10/07/1972	025975099	78F8-1326 Dream. Đen

Handwritten signature



DANH SÁCH TÀI SẢN, THIẾT BỊ VĂN PHÒNG

(Đính kèm Công văn số ASSIST001-2016 ngày tháng năm 2016)

I. Danh sách tài sản

STT	Tên tài sản	Số lượng	Kích cỡ
1	Bàn làm việc	17	1.2m x 0.62m
2	Tủ hồ sơ (CA 13 - 14 - 03 - TU)	4	0.83m x 0.4m
3	Tủ hồ sơ (CA 09 - 10)	1	1.61m x 0.61m
4	Tủ hồ sơ (CA 01 - 02) kèm kệ	2	0.83m X 0.4m
5	Kệ (SH 01 - 04)	2	1.24m x 0.4m
6	Kệ (SH 02 - 03 - 05 - 06)	2	1.6m x 0.4m
7	Tủ hồ sơ (CA 03)	1	2.27m x 0.4m
8	Tủ hồ sơ (loại nhỏ)	2	0.41m x 0.51m
9	Kho	1	1.13m x 0.4m
10	Bàn phòng họp	5	1.4m x 0.7m
11	Bàn phòng họp	1	1.95m x 0.7m
12	Bàn phòng họp	1	1.25m x 0.7m
13	Bàn phòng họp	1	1.36m x 0.5m
14	Kệ (SH 01 - 02) phòng họp	1	1.6m x 0.38m
15	Tủ hồ sơ phòng họp (nâu)	1	2.4m x 0.7m
16	Ghế phòng họp	14	
17	Ghế nhân viên	21	
18	Flip chart	4	
19	Bàn ăn (tròn)	1	1m x 1m
20	Bảng trắng	3	

II. Danh sách thiết bị văn phòng

STT	Tên thiết bị	Loại	Số seri	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng đài điện thoại	KX-TES824SN	7KCFK022762	1	
2	D-Link modem	DSL-2640B	PX0919B031992	1	
3	Linksys Modem	WRT54GL	CL7B6NB04252	1	
4	Máy chiếu	EX5200	NEGFOZO896L	1	
5	Màn chiếu	APOLLO		1	
6	Máy in phòng kế toán	Canon LBP 3300	LQHA587943	1	
7	Máy in tổng hợp	RICOH Aficio MP3350		1	Đang thuê từ nhà cung cấp
8	Máy chấm công	Ronaldjack	628-C	1	
9	Máy hủy giấy	Bosser - 220X	140530078	1	
10	Máy nước nóng lạnh	Alaska		2	
11	Tủ lạnh	Mitshubishi		1	
12	Lò vi ba	Sanyo		1	
13	Quạt	Midea		2	
14	Điện thoại bàn	Panasonic		20	